

Số: 190/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 11 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp:  
Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và  
tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025**

### **GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV**

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp, hàng hoa, sản phẩm dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Văn bản số 2879/ĐLTKV-KH ngày 09/12/2024 của Tổng công ty Điện lực TKV về việc Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-ĐN5 ngày 28/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt phương án kỹ thuật Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-ĐN5 ngày 05/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025;

Căn cứ Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1797/QĐ-ĐN5 ngày 17/12/2024 đã được phát hành tại Thông báo mời chào hàng cạnh tranh rút gọn số: 1798/TB-ĐN5 ngày 17/12/2024 đăng tải trên trang Website ĐLTKV và TKV;

Căn cứ báo cáo Về việc xử lý tình huống trong lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025 khi đến thời điểm đóng tham dự cung cấp có 01 nhà cung cấp nộp bản báo giá của Tổ chuyên gia ngày 20/12/2024;

Căn cứ Biên bản đóng bản báo giá số 1825/BBĐ-ĐN5 ngày 20/12/2024 Gói



cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025;

Căn cứ Báo cáo đánh giá bản báo giá Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025 ngày 23/12/2024;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Công ty TNHH XD-TM Tiến Đại Phú ký ngày 24 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025 của tổ thẩm định ngày 27/12/2024;

Theo Tờ trình ngày 24/12/2024 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung Gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2025 với các nội dung chính như sau:

- Tên nhà cung cấp: Công ty TNHH XD-TM Tiến Đại Phú
- Địa chỉ: số 386, đường Trần Phú, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Giá trúng cung cấp: 513.323.474 đồng. (Bằng chữ: Năm trăm mười ba triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục đính kèm.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 2:** Quyết định này làm cơ sở để các bên ký kết hợp đồng và thực hiện các công việc liên quan.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và đơn vị được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các PGĐ, KTT (e – copy);
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, (TH03).


**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ GÓI CUNG CẤP**  
(Kèm theo Quyết định số: 1902/QĐ-ĐN5 ngày 27 tháng 12 năm 2024)

ĐVT: đồng

| STT       | Danh mục dịch vụ                                                                                               | Khối lượng | Đơn vị tính  | Đơn giá    | Thành tiền         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|------------|--------------------|
| (1)       | (2)                                                                                                            | (3)        | (4)          | (5)        | (6)                |
| <b>A</b>  | <b>Dịch vụ có thuế GTGT 8%</b>                                                                                 |            |              |            |                    |
| <b>I</b>  | <b>Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Nhà máy</b>                                                                |            |              |            |                    |
| 1         | Phát thăm có thuận chùng bằng máy mỗi tháng 1 lần với diện tích 10.851,66 m2/ lần                              | 651,10     | 100m2/lần    | 67.615     | 44.024.127         |
| 2         | Phát thăm có không thuận chùng bằng máy (thực hiện 12 lần/năm) mỗi tháng 01 lần với diện tích 4.313,00 m2/lần. | 258,78     | 100m2/lần    | 50.391     | 13.040.183         |
| 3         | Bón phân thăm cỏ (thực hiện 4 lần/năm) mỗi Quý 01 lần với diện tích 10.851,66 m2/ lần                          | 217,035    | 100m2/lần    | 29.153     | 6.327.221          |
| 4         | Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m (Định kỳ 1 tháng thực hiện 1 lần)                                | 0,445      | 100m2/năm    | 3.935.639  | 1.751.359          |
| 5         | Duy trì cây cảnh trở hoa (Định kỳ 1 tháng thực hiện 1 lần)                                                     | 1,385      | 100 cây/năm  | 15.013.733 | 20.794.020         |
| 6         | Duy trì cây cảnh tạo hình (Định kỳ 1 tháng thực hiện 1 lần)                                                    | 0,615      | 100 cây/năm  | 12.477.432 | 7.673.621          |
| 7         | Thay đất, phân chậu cảnh 4 lần/năm, với 640 chậu/ 1 lần. Thực hiện mỗi quý 1 lần.                              | 12,8       | 100 chậu/lần | 2.915.288  | 37.315.686         |
| 8         | Duy trì cây cảnh trong chậu (Thực hiện cho 640 chậu)                                                           | 3,2        | 100 chậu/năm | 9.328.921  | 29.852.547         |
| 9         | Duy trì cây bóng mát loại 1                                                                                    | 92         | cây/năm      | 131.188    | 12.069.296         |
| 10        | Duy trì cây bóng mát loại 3                                                                                    | 1          | cây/năm      | 1.844.436  | 1.844.436          |
| <b>II</b> | <b>Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5</b>                                    |            |              |            |                    |
| 1         | Phát thăm có thuận chùng bằng máy 12 lần/năm. Thực hiện mỗi tháng 1 lần với diện tích 886,69m2                 | 53,2       | 100m2/lần    | 73.431     | 3.906.529          |
| 2         | Làm cỏ tạp 12 lần/năm. Thực hiện mỗi tháng 1 lần với diện tích 886,69m2                                        | 53,2       | 100m2/lần    | 105.103    | 5.591.480          |
| 3         | Trồng dặm cỏ lá tre. Thực hiện 6 tháng 1 lần với diện tích 789,19 m2                                           | 789,19     | m2/lần       | 47.996     | 37.877.963         |
| 4         | Trồng dặm cỏ nhung thực hiện 6 tháng 1 lần với diện tích 97,5m2                                                | 97,5       | m2/lần       | 26.976     | 2.630.160          |
| 5         | Bón phân và xử lý đất bồn hoa. Thực hiện mỗi quý 1 lần với diện tích 859,6 m2                                  | 17,015     | 100m2/lần    | 105.453    | 1.794.283          |
| 6         | Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m                                                                  | 0,18       | 100m2/năm    | 4.256.645  | 766.196            |
| 7         | Duy trì cây cảnh trở hoa                                                                                       | 0,305      | 100 cây/năm  | 16.238.315 | 4.952.686          |
| 8         | Duy trì cây cảnh tạo hình                                                                                      | 0,585      | 100 cây/năm  | 13.495.143 | 7.894.659          |
| 9         | Thay đất, phân chậu cảnh. Thực hiện mỗi quý 1 lần cho 4 chậu                                                   | 0,18       | 100 chậu/lần | 3.153.071  | 567.553            |
| 10        | Duy trì cây cảnh trong chậu Thực hiện mỗi quý 1 lần cho 4 chậu                                                 | 0,18       | 100 chậu/lần | 10.089.826 | 1.816.169          |
| 11        | Duy trì cây bóng mát loại 1                                                                                    | 55         | cây/năm      | 141.888    | 7.803.840          |
| 12        | Duy trì cây bóng mát loại 3                                                                                    | 4          | cây/năm      | 1.985.912  | 7.943.648          |
|           | <b>Tổng giá trị trước thuế</b>                                                                                 |            |              |            | <b>242.490.174</b> |

| STT       | Danh mục dịch vụ                                                                                               | Khối lượng | Đơn vị tính  | Đơn giá    | Thành tiền         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|------------|--------------------|
| (1)       | (2)                                                                                                            | (3)        | (4)          | (5)        | (6)                |
|           | <b>Thuế GTGT 8%</b>                                                                                            |            |              |            | <b>19.399.214</b>  |
|           | <b>Tổng giá trị trước sau thuế</b>                                                                             |            |              |            | <b>261.889.388</b> |
| <b>B</b>  | <b>Dịch vụ có thuế GTGT 10%</b>                                                                                |            |              |            |                    |
| <b>I</b>  | <b>Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Nhà máy</b>                                                                |            |              |            |                    |
| 1         | Phát thăm cỏ thuần chủng bằng máy mỗi tháng 1 lần với diện tích 10.851,66 m2/ lần                              | 651,10     | 100m2/lần    | 67.615     | 44.024.127         |
| 2         | Phát thăm cỏ không thuần chủng bằng máy (thực hiện 12 lần/năm) mỗi tháng 01 lần với diện tích 4.313,00 m2/lần. | 258,78     | 100m2/lần    | 50.391     | 13.040.183         |
| 3         | Bón phân thăm cỏ (thực hiện 4 lần/năm) mỗi Quý 01 lần với diện tích 10.851,66 m2/ lần                          | 217,035    | 100m2/lần    | 29.153     | 6.327.221          |
| 4         | Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m                                                                  | 0,445      | 100m2/năm    | 3.935.639  | 1.751.359          |
| 5         | Duy trì cây cảnh trở hoa                                                                                       | 1,385      | 100 cây/năm  | 15.013.733 | 20.794.020         |
| 6         | Duy trì cây cảnh tạo hình                                                                                      | 0,615      | 100 cây/năm  | 12.477.432 | 7.673.621          |
| 7         | Thay đất, phân chậu cảnh 4 lần/năm, với 640 chậu/ 1 lần. Thực hiện mỗi quý 1 lần.                              | 12,8       | 100 chậu/lần | 2.915.288  | 37.315.686         |
| 8         | Duy trì cây cảnh trong chậu (Thực hiện cho 640 chậu)                                                           | 3,2        | 100 chậu/năm | 9.328.921  | 29.852.547         |
| <b>II</b> | <b>Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5</b>                                    |            |              |            |                    |
| 1         | Phát thăm cỏ thuần chủng bằng máy 12 lần/năm. Thực hiện mỗi tháng 1 lần với diện tích 886,69m2                 | 53,2       | 100m2/lần    | 73.431     | 3.906.529          |
| 2         | Làm cỏ tạp 12 lần/năm. Thực hiện mỗi tháng 1 lần với diện tích 886,69m2                                        | 53,2       | 100m2/lần    | 105.103    | 5.591.480          |
| 3         | Trồng dặm cỏ lá tre. Thực hiện 6 tháng 1 lần với diện tích 789,19 m2                                           | 789,19     | m2/lần       | 47.996     | 37.877.963         |
| 4         | Trồng dặm cỏ nhung thực hiện 6 tháng 1 lần với diện tích 97,5m2                                                | 97,5       | m2/lần       | 26.976     | 2.630.160          |
| 5         | Bón phân và xử lý đất bồn hoa. Thực hiện mỗi quý 1 lần với diện tích 859,6 m2                                  | 17,015     | 100m2/lần    | 105.453    | 1.794.283          |
| 6         | Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m                                                                  | 0,18       | 100m2/năm    | 4.256.645  | 766.196            |
| 7         | Duy trì cây cảnh trở hoa                                                                                       | 0,305      | 100 cây/năm  | 16.238.315 | 4.952.686          |
| 8         | Duy trì cây cảnh tạo hình                                                                                      | 0,585      | 100 cây/năm  | 13.495.143 | 7.894.659          |
| 9         | Thay đất, phân chậu cảnh. Thực hiện mỗi quý 1 lần cho 4 chậu                                                   | 0,18       | 100 chậu/lần | 3.153.071  | 567.553            |
| 10        | Duy trì cây cảnh trong chậu Thực hiện mỗi quý 1 lần cho 4 chậu                                                 | 0,18       | 100 chậu/lần | 10.089.826 | 1.816.169          |
|           | <b>Tổng giá trị trước thuế</b>                                                                                 |            |              |            | <b>228.576.442</b> |
|           | <b>Thuế GTGT 10%</b>                                                                                           |            |              |            | <b>22.857.644</b>  |
|           | <b>Tổng giá trị sau thuế</b>                                                                                   |            |              |            | <b>251.434.086</b> |
|           | <b>Tổng cộng giá trị trước thuế</b>                                                                            |            |              |            | <b>471.066.616</b> |
|           | <b>Tổng cộng thuế GTGT</b>                                                                                     |            |              |            | <b>42.256.858</b>  |
|           | <b>Tổng cộng giá trị sau thuế</b>                                                                              |            |              |            | <b>513.323.474</b> |